TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 01

ĐỊA ĐIỂM: P.101 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	001	0020410356	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	Kinh	20/01/2002	Vĩnh Long				
2	002	0022410499	Nguyễn Trịnh Thảo	An	Nữ	Kinh	14/02/2004	Cần Thơ				
3	003	0021410020	Cao Vân	Anh	Nữ	Kinh	22/4/2003	Tiền Giang				
4	004	0015411236	Cao Văn Út	Anh	Nam	Kinh	07/4/1997	Đồng Tháp				
5	005	0022412536	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	Kinh	28/5/2004	Đồng Tháp				
6	006	0022410002	Ngô Thị Quế	Anh	Nữ	Kinh	29/12/2004	Tây Ninh				
7	007	0021410031	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	Nữ	Kinh	16/7/2003	Đồng Tháp				
8	008	0019410781	Nguyễn Thị Bảo Đàn	Anh	Nữ	Kinh	08/8/2001	Đồng Tháp				
9	009	0022412101	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	Kinh	09/12/2004	Cà Mau				
10	010	0019410642	Thái Mai Phương	Anh	Nữ	Kinh	09/10/2001	Tiền Giang				
11	011	0021411134	Trần Lê Minh	Anh	Nữ	Kinh	05/10/2003	Đồng Tháp				
12	012	0021412076	Nguyễn Kiến Đặng Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	21/9/2003	Bến Tre				
13	013	0020410240	Ngô Nhật Hoài	Bảo	Nam	Kinh	12/11/2002	Đồng Tháp				
14	014	0021410061	Nguyễn Hồ Ngọc	Cầm	Nữ	Kinh	23/7/2003	Đồng Tháp				
15	015	082197006496	Nguyễn Thị Bảo	Châu	Nữ	Kinh	07/02/1997	Tiền Giang				
16	016	0020410247	Trịnh Thì Cà	Chi	Nữ	Kinh	07/6/2002	Đồng Tháp				
17	017	0020411063	Nguyễn Văn	Chí	Nam	Kinh	09/7/2002	Đồng Tháp				
18	018	0021412147	Lê Thị Kim	Đan	Nữ	Kinh	01/8/2003	Bến Tre				
19	019	0021411178	Nguyễn Anh	Đào	Nữ	Kinh	02/8/2003	Đồng Tháp				
20	020	0022410816	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	Kinh	01/11/2004	Tiền Giang				
21	021	0021411192	Nguyễn Thị Đào	Diễm	Nữ	Kinh	04/12/2003	Cần Thơ				
22	022	0022410976	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp				
23	023	0022410628	Võ Thị Ngọc	Diệu	Nữ	Kinh	26/5/2004	Đồng Tháp				
24	024	0022410885	Lê Phước	Định	Nam	Kinh	03/6/2003	Đồng Tháp				
25	025	0020410453	Võ Minh	Đông	Nam	Kinh	14/10/2002	Đồng Tháp				
26	026	0022410166	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	10/6/2004	Đồng Tháp				
27	027	0022411555	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	Nữ	Kinh	25/01/2004	Đồng Tháp				
28	028	0016410101	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	19/10/1997	Đồng Tháp				
29	029	0022411461	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	19/02/2004	Đồng Tháp				
30	030	0019410500	Trần Bảo Thùy	Dương	Nữ	Kinh	08/01/2001	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 02

ĐỊA ĐIỂM: P.102 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	031	0022411451	Trương Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	09/02/2004	Đồng Tháp				
2	032	0021410153	Trần Huỳnh Thúy	Duy	Nữ	Kinh	21/01/2003	Đồng Tháp				
3	033	0021410154	Trần Phương	Duy	Nữ	Kinh	26/02/2003	Đồng Tháp				
4	034	0022410875	Trần Thị Kim	Duy	Nữ	Kinh	24/7/2004	Đồng Tháp				
5	035	0022410573	Võ Khánh	Duy	Nam	Kinh	27/9/2004	Đồng Tháp				
6	036	0022411438	Đoàn Kỳ	Duyên	Nữ	Kinh	14/02/2004	Đồng Tháp				
7	037	0019410103	Dương Thị Kiều	Duyên	Nữ	Kinh	08/6/2001	Cà Mau				
8	038	0022412606	Mai Thị	Duyên	Nữ	Kinh	06/4/2004	Tiền Giang				
9	039	0015411598	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	Nữ	Kinh	10/7/1997	Vĩnh Long				
10	040	0021411250	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	Kinh	13/01/2003	Long An				
11	041	0021412291	Nguyễn Lê Trường	Giang	Nam	Kinh	29/10/2003	Bến Tre				
12	042	0022412602	Trần Thị Hồng	Giang	Nữ	Kinh	25/12/2004	An Giang				
13	043	0022411357	Trần Trần Tháp	Giang	Nữ	Kinh	10/9/2004	Đồng Tháp				
14	044	0021412298	Đặng Thị Ngọc	Giàu	Nữ	Kinh	09/3/2003	Long An				
15	045	0022411470	Lê Thị Thu	Giàu	Nữ	Kinh	21/3/2004	Long An				
16	046	0022411166	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	Kinh	13/8/2004	Đồng Tháp				
17	047	0021412304	Đỗ Đông	Hà	Nữ	Kinh	02/3/2003	Cà Mau				
18	048	0022410049	Nguyễn Ngô Nhật	Hạ	Nữ	Kinh	10/11/2004	Tây Ninh				
19	049	0021412327	Huỳnh Thị Mỹ	Hân	Nữ	Kinh	03/4/2003	Bến Tre				
20	050	0022411841	Lâm Gia	Hân	Nữ	Kinh	01/4/2004	Vĩnh Long				
21	051	0022410835	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Kinh	13/11/2004	Đồng Tháp				
22	052	0022412708	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	30/4/2004	An Giang				
23	053	0022412024	Nguyễn Thị Vỹ	Hân	Nữ	Kinh	12/3/2004	Đồng Tháp				
24	054	0021412348	Huỳnh Thị Mỹ	Hằng	Nữ	Kinh	03/4/2003	Bến Tre				
25	055	0020410625	Huỳnh Thị Kiều	Hạnh	Nữ	Kinh	19/9/2002	Long An				
26	056	0019410036	Lâm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	Kinh	01/01/2001	Đồng Tháp				
27	057	087202008437	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	Kinh	11/10/2002	Đồng Tháp				
28	058	0022411880	Trương Thị Kiều	Hoa	Nữ	Kinh	20/9/2004	Bến Tre				
29	059	0021410247	Đoàn Minh	Hòa	Nam	Kinh	03/01/2003	Đồng Tháp				
30	060	0021413888	Lê Chí	Hùng	Nam	Kinh	21/10/2003	TP HCM				

Tổng số thí sinh: 30

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 03

ĐỊA ĐIỂM: P.103 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	061	0021410263	Phạm Chí	Hùng	Nam	Kinh	29/11/2002	Long An				
2	062	0021410268	Nguyễn Lê Trầm	Hương	Nữ	Kinh	16/11/2003	Đồng Tháp				
3	063	0022410924	Triệu Thị Thanh	Hương	Nữ	Kinh	29/3/2004	Bến Tre				
4	064	0020410585	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	Kinh	09/10/2002	Đồng Tháp				
5	065	0022410882	Nguyễn Gia	Huy	Nam	Kinh	08/4/2004	Bến Tre				
6	066	0019410125	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	Kinh	31/5/2001	Đồng Tháp				
7	067	0021412448	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	17/9/2003	Long An				
8	068	0021412451	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	25/6/2003	Đồng Tháp				
9	069	0022412209	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	Kinh	03/4/2004	Bến Tre				
10	070	0022410705	Hà Văn	Huỳnh	Nam	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp				
11	071	087304001743	Mai Thị Thúy	Huỳnh	Nữ	Kinh	19/01/2004	Đồng Tháp				
12	072	0022410154	Vạn Ngọc Lê	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/12/2004	Vĩnh Long				
13	073	0021412481	Phạm Phùng Quang	Khải	Nam	Kinh	04/12/2003	Bạc Liêu				
14	074	0021410312	Dương Chí	Khang	Nam	Kinh	30/01/2003	Đồng Tháp				
15	075	0022411972	Đồng Quốc	Khánh	Nam	Kinh	03/9/2004	Cần Thơ				
16	076	0020410911	Đoàn Lê Đăng	Khoa	Nam	Kinh	17/11/2002	Đồng Tháp				
17	077	0022412746	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	01/02/2004	Vĩnh Long				
18	078	0021410336	Đặng Duy	Khôi	Nam	Kinh	15/12/2003	Đồng Tháp				
19	079	0022412448	Huỳnh Nhựt Anh	Khôi	Nam	Kinh	25/6/2004	Đồng Tháp				
20	080	0020410500	Trương Đình	Khôi	Nam	Kinh	13/3/2002	Đồng Tháp				
21	081	0019410323	Hoàng Anh	Kiệt	Nam	Kinh	11/7/2001	Đồng Tháp				
22	082	0022411889	Lê Quốc	Kiệt	Nam	Kinh	13/4/2004	Đồng Tháp				
23	083	0020410237	Trần Ngọc	Kiều	Nữ	Kinh	25/7/2002	Đồng Tháp				
24	084	0019410080	Đỗ Thị Kim	Lan	Nữ	Kinh	09/12/2001	Đồng Tháp				
25	085	0019410608	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	Nữ	Kinh	25/10/2001	Đồng Tháp				
26	086	0022412223	Đoàn Hồng	Liên	Nữ	Kinh	01/6/2004	Cà Mau				
27	087	0022410126	Võ Thị Bích	Liễu	Nữ	Kinh	26/10/2003	Đồng Tháp				
28	088	0017410958	Nguyễn Hoài Vũ	Linh	Nam	Kinh	17/5/1999	Đồng Tháp				
29	089	0020411135	Nguyễn Thị Chúc	Linh	Nữ	Kinh	11/9/2001	Đồng Tháp				
30	090	0019410230	Nguyễn Thị Lâm	Linh	Nữ	Kinh	07/11/2001	Vĩnh Long				

Tổng số thí sinh: 30

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 04

ĐỊA ĐIỂM: P.104 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	091	0021410376	Nguyễn Thị Thảo	Linh	Nữ	Kinh	24/11/2003	Đồng Tháp				
2	092	087191006759	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	Kinh	01/01/1991	Đồng Tháp				
3	093	0020410971	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	Kinh	08/9/2002	Đồng Tháp				
4	094	0022411090	Phan Huỳnh Yến	Linh	Nữ	Kinh	29/6/2004	Đồng Tháp				
5	095	0022410217	Thái Thị Thuỳ	Linh	Nữ	Kinh	28/4/2003	Đồng Tháp				
6	096	0021410385	Trần Nhã	Linh	Nữ	Kinh	29/01/2003	Đồng Tháp				
7	097	0020410649	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	Kinh	05/8/2002	Đồng Tháp				
8	098	0021412611	Tô Văn Tấn	Lộc	Nam	Kinh	19/01/2003	Hậu Giang				
9	099	0019410089	Võ Thị Mỹ	Lộc	Nữ	Kinh	15/4/2001	Bến Tre				
10	100	0022410623	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	Kinh	11/7/2003	Đồng Tháp				
11	101	0021412616	Đặng Phước	Long	Nam	Kinh	27/11/2003	Đồng Tháp				
12	102	0022410338	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	Kinh	06/7/2004	Đồng Tháp				
13	103	0019410809	Phan Vũ	Luân	Nam	Kinh	25/12/2001	Tiền Giang				
14	104	0022412571	Nguyễn Phong	Lưu	Nam	Kinh	22/11/2004	Bến Tre				
15	105	0022410982	Khổng Trúc	Ly	Nữ	Kinh	06/01/2004	Bến Tre				
16	106	0021412635	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	15/02/2003	Vĩnh Long				
17	107	0022412754	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	03/6/2004	An Giang				
18	108	0022410849	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Nữ	Kinh	11/10/2004	Bến Tre				
19	109	0021412637	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	24/11/2003	Tiền Giang				
20	110	0017410303	Bùi Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	01/11/1999	Bến Tre				
21	111	0021412643	Đinh Thị Xuân	Mai	Nữ	Kinh	09/6/2003	Đồng Tháp				
22	112	087177000832	Dương Thị Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	31/12/1977	Đồng Tháp				
23	113	0022410130	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	Kinh	21/12/2004	Đồng Tháp				
24	114	0021411461	Lương Ngọc Minh	Mẫn	Nữ	Kinh	22/11/2003	Đồng Tháp				
25	115	0022411437	Kim Thị Trà	Mi	Nữ	Kinh	01/9/2004	Kiên Giang				
26	116	0022411349	Võ Thị Kiều	Mi	Nữ	Kinh	29/5/2004	Đồng Tháp				
27	117	0022411453	Đinh Lê	Minh	Nam	Kinh	08/6/2004	Đồng Tháp				
28	118	0020411246	Phạm Thị Ngọc	Mơ	Nữ	Kinh	04/10/2002	Đồng Tháp				
29	119	0019410057	Hồ Thị Kim	My	Nữ	Kinh	14/3/2001	Long An				
30	120	0022411730	Nguyễn Kiều	My	Nữ	Kinh	18/8/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 05

ĐỊA ĐIỂM: P.201 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	121	0022412018	Bùi Phương	Nam	Nam	Kinh	16/02/2003	Tiền Giang				
2	122	0019410076	Trần Thị Thanh	Nga	Nữ	Kinh	15/02/2001	Đồng Tháp				
3	123	0022410919	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	07/11/2004	An Giang				
4	124	0019410759	Bùi Thị Phương	Ngân	Nữ	Kinh	17/02/2001	Đồng Tháp				
5	125	0020410778	Hồ Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	11/6/2002	Đồng Tháp				
6	126	0022410916	Lê Hoàng Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	24/3/2004	Đồng Tháp				
7	127	0022410775	Lê Thạch Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	30/10/2004	Đồng Tháp				
8	128	0022412239	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	06/12/2004	Đồng Tháp				
9	129	0022411909	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	05/5/2004	Đồng Tháp				
10	130	0022410018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	11/10/2004	Đồng Tháp				
11	131	0020411282	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	05/4/2002	Đồng Tháp				
12	132	0022412533	Phan Thị Ngọc	Ngân	Nữ	Kinh	27/8/2004	Vĩnh Long				
13	133	0022411422	Trương Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	06/7/2004	Đồng Tháp				
14	134	0021412754	Võ Thị Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	26/8/2003	Long An				
15	135	0020410024	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	Kinh	17/12/2002	Đồng Tháp				
16	136	0022411720	Lê Chúc	Ngọc	Nữ	Kinh	03/10/2003	Đồng Tháp				
17	137	0021410523	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp				
18	138	0019410257	Lê Thúy	Ngọc	Nữ	Kinh	16/5/2001	Cà Mau				
19	139	0022410700	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	Kinh	11/01/2004	Đồng Tháp				
20	140	0022410421	Phan Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	Kinh	23/10/2003	TP HCM				
21	141	0021411991	Trần Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	Kinh	24/02/2003	Đồng Tháp				
22	142	0021410535	Trần Thị Yến	Ngọc	Nữ	Kinh	03/7/2003	Đồng Tháp				
23	143	0022410489	Võ Như	Ngọc	Nữ	Kinh	14/12/2004	Đồng Tháp				
24	144	0022410218	Bùi Đức	Nguyên	Nam	Kinh	20/9/2002	Đồng Tháp				
25	145	0022410133	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	01/5/2004	Bến Tre				
26	146	0022411491	Võ Đăng	Nguyên	Nam	Kinh	24/02/2004	Tiền Giang				
27	147	0022411325	Nguyễn Hiếu	Nhân	Nam	Kinh	23/6/2004	Đồng Tháp				
28	148	0021412840	Phạm Hoàng Hữu	Nhân	Nam	Kinh	15/6/2003	Tiền Giang				
29	149	0019410770	Phạm Thị Thanh	Nhãn	Nữ	Kinh	12/01/2001	Đồng Tháp				
30	150	0021411571	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	Kinh	28/02/2003	Đồng Tháp				
31	151	0022411951	Huỳnh Võ Xuân	Nhi	Nữ	Kinh	20/12/2004	Long An				

Tổng số thí sinh: 31

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 06

ĐỊA ĐIỂM: P.202 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	152	0019410437	Lê Thị Hạnh	Nhi	Nữ	Kinh	17/8/2001	Đồng Tháp				
2	153	0019310039	Lê Thị Sa	Nhi	Nữ	Kinh	21/4/2001	Bến Tre				
3	154	0022410225	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	24/3/2004	Đồng Tháp				
4	155	0022412194	Phan Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	12/10/2004	Tiền Giang				
5	156	0022412705	Trần Hồng	Nhi	Nữ	Kinh	29/9/2004	An Giang				
6	157	0022410436	Ngô Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	11/01/2004	Đồng Tháp				
7	158	0022410152	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	22/12/2003	Đồng Tháp				
8	159	0022410733	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	Nữ	Kinh	04/01/2004	Vĩnh Long				
9	160	0022410704	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	24/5/2004	Đồng Tháp				
10	161	0021410642	Phan Xuân	Như	Nữ	Kinh	09/02/2003	Đồng Tháp				
11	162	0021412936	Trần Ngọc Ánh	Như	Nữ	Kinh	26/8/2003	Vĩnh Long				
12	163	0021413886	Vò Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	11/10/2003	Đồng Tháp				
13	164	0022410891	Hồ Thị Phi	Nhung	Nữ	Kinh	16/02/2004	Đồng Tháp				
14	165	0020410860	Phạm Thị Ngọc	Nhung	Nữ	Kinh	07/8/2002	Tiền Giang				
15	166	0021410653	Phan Thị Hồng	Nhung	Nữ	Kinh	11/6/2003	Đồng Tháp				
16	167	0020410369	Võ Thanh	Nhựt	Nam	Kinh	30/3/2001	Vĩnh Long				
17	168	0022411454	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	Nữ	Kinh	29/11/2004	Đồng Tháp				
18	169	0019410116	Võ Thị Sơn	Nữ	Nữ	Kinh	22/4/2001	Vĩnh Long				
19	170	0020410216	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Nữ	Kinh	29/8/2002	Bến Tre				
20	171	0022411714	Lê Minh	Phụng	Nam	Kinh	14/10/2004	Đồng Tháp				
21	172	0022412403	Trần Thị Hồng	Phương	Nữ	Kinh	13/11/2004	Tiền Giang				

Tổng số thí sinh: 21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 07

ĐỊA ĐIỂM: P.203 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	173	0022410675	Lương Lục	Phường	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp				
2	174	0022411211	Võ Thị Ngọc	Phượng	Nữ	Kinh	08/01/2004	Đồng Tháp				
3	175	0022410270	Đào Thị Mỹ	Quyên	Nữ	Kinh	19/11/2004	Đồng Tháp				
4	176	0022410536	Hồ Ngọc	Quyên	Nữ	Kinh	18/5/2004	Đồng Tháp				
5	177	0021411673	Huỳnh Thị Thúy	Quyên	Nữ	Kinh	09/9/2003	Đồng Tháp				
6	178	0021410726	Ngô Nguyễn Phượng	Quyên	Nữ	Kinh	23/5/2003	Đồng Tháp				
7	179	0022412401	Nguyễn Thị Tú	Quyên	Nữ	Kinh	08/01/2004	Đồng Tháp				
8	180	0022412254	Võ Thị Hạnh	Quyên	Nữ	Kinh	12/3/2004	Bến Tre				
9	181	0020410426	Nguyễn Thanh Hồng	Quyền	Nam	Kinh	08/7/2002	Đồng Tháp				
10	182	0022412423	Lê Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	06/5/2004	Tiền Giang				
11	183	0021413094	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	30/10/2003	Vĩnh Long				
12	184	087198010630	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	05/11/1998	Đồng Tháp				
13	185	0022411050	Phạm Xuân	Quỳnh	Nữ	Kinh	14/3/2004	Đồng Tháp				
14	186	0019410357	Văn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	Kinh	17/6/2001	Đồng Tháp				
15	187	0022410168	Dương Thị Kim	Ri	Nữ	Kinh	31/10/2004	An Giang				
16	188	0022412550	Nguyễn Huỳnh Minh	Tâm	Nam	Kinh	05/02/2004	Đồng Tháp				
17	189	0022412562	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	Nữ	Kinh	24/3/2004	Cần Thơ				
18	190	0020410310	Đoàn Hồng	Tân	Nam	Kinh	29/9/2002	Đồng Tháp				
19	191	0021410773	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	Kinh	01/01/2003	Đồng Tháp				
20	192	0022410711	Phạm Phước	Tân	Nam	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp				
21	193	0019410347	Nguyễn Văn	Têl	Nam	Kinh	03/11/2000	Kiên Giang				
22	194	0022410992	Hạ Thị Kim	Thà	Nữ	Kinh	23/5/2004	Bến Tre				
23	195	0021413141	Đặng Minh	Thái	Nam	Kinh	21/3/2003	Đồng Tháp				
24	196	0022412748	Đỗ Hoàng	Thái	Nam	Kinh	01/6/2004	Đồng Tháp				
25	197	0020410401	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	28/6/2002	An Giang				
26	198	0022410032	Trần Thị Thiên	Thanh	Nữ	Kinh	11/02/2004	Bình Dương				
27	199	0022411678	Lê Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	24/8/2004	Tiền Giang				
28	200	0021410806	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	Kinh	31/01/2003	Vĩnh Long				
29	201	0021410809	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	27/7/2003	Đồng Tháp				
30	202	0020410383	Nguyễn Thị Như	Thảo	Nữ	Kinh	15/02/2002	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 30

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 08

ĐỊA ĐIỂM: P.205 - Dãy B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	203	0021413198	Phạm Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	14/02/2003	Vĩnh Long				
2	204	0021410820	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	12/5/2003	Cần Thơ				
3	205	0022410438	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp				
4	206	0022411449	Nguyễn Thị Minh	Thi	Nữ	Kinh	06/10/2004	Đồng Tháp				
5	207	0022411447	Tô Thị Lâm	Thi	Nữ	Kinh	18/8/2004	Đồng Tháp				
6	208	0022411748	Cao Quang	Thiên	Nam	Kinh	02/7/2003	Sóc Trăng				
7	209	0020410476	Trần Thị	Thiên	Nữ	Kinh	19/10/2002	Đồng Tháp				
8	210	0020410874	Nguyễn Phước	Thiện	Nam	Kinh	02/02/2002	Đồng Tháp				
9	211	0020411084	Bùi Kim	Thoa	Nữ	Kinh	20/4/2002	Bến Tre				
10	212	0021410846	Dương Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	15/7/2003	Hậu Giang				
11	213	0021411777	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	Kinh	30/8/2003	Bến Tre				
12	214	0020410803	Nguyễn Lạc	Thông	Nữ	Kinh	16/6/2002	Đồng Tháp				
13	215	0021410861	Lê Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	04/9/2003	Đồng Tháp				
14	216	0021410867	Lê Trần Anh	Thư	Nữ	Kinh	18/11/2003	Đồng Tháp				
15	217	0021413268	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	22/9/2003	Đồng Tháp				
16	218	0021411797	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	24/11/2003	Long An				
17	219	0021410876	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	02/10/2003	Đồng Tháp				
18	220	0020410683	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	25/3/2001	Đồng Tháp				
19	221	0021413296	Huỳnh Hòa	Thuận	Nam	Kinh	11/11/2003	Bến Tre				
20	222	0022412265	Lê Gia	Thuận	Nam	Kinh	19/01/2004	Long An				
21	223	0022411429	Nguyễn Minh	Thức	Nam	Kinh	04/11/2004	TP HCM				

Tổng số thí sinh: 21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 09

ĐỊA ĐIỂM: P.501 - Dãy H2
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	224	0022410789	Huỳnh Thị Kim	Thúy	Nữ	Kinh	01/6/2004	Tiền Giang				
2	225	0022412397	Lê Thị Bích	Thùy	Nữ	Kinh	02/01/2004	Tây Ninh				
3	226	0021413309	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	Kinh	28/01/2003	Vĩnh Long				
4	227	0022410451	Phạm Thị Như	Thủy	Nữ	Kinh	04/7/2004	Đồng Tháp				
5	228	0022410024	Nguyễn Huỳnh Bảo	Thy	Nữ	Kinh	16/7/2003	Tây Ninh				
6	229	0020410225	Đặng Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	09/7/2002	An Giang				
7	230	0021411819	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	09/9/2003	Vĩnh Long				
8	231	0021410908	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	19/02/2003	Đồng Tháp				
9	232	0022412447	Trương Thị Ngọc	Tiên	Nữ	Kinh	15/01/2004	Đồng Tháp				
10	233	0019410373	Bùi Lê Anh	Tiến	Nam	Kinh	07/3/2000	Tiền Giang				
11	234	0019410839	Bùi Minh	Tiến	Nam	Kinh	06/02/2001	Trà Vinh				
12	235	0022412148	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	Kinh	13/02/2004	Tây Ninh				
13	236	0019410734	Nguyễn Phước	Tiến	Nam	Kinh	21/5/2000	Đồng Tháp				
14	237	0021411829	Lê Thuận Ngọc	Tiền	Nam	Kinh	03/9/2003	Tiền Giang				
15	238	0022411887	Đặng Võ Trung	Tín	Nam	Kinh	18/11/2004	Bến Tre				
16	239	0021413354	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	Kinh	28/10/2003	Đồng Tháp				
17	240	0021413363	Nguyễn Trung	Tính	Nam	Kinh	01/01/2003	Tiền Giang				
18	241	0020410613	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	28/7/2002	Đồng Tháp				
19	242	0020410346	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	02/02/2002	Đồng Tháp				
20	243	0020410853	Đặng Thị Bảo	Trân	Nữ	Kinh	04/4/2002	Đồng Tháp				
21	244	0021410932	Phạm Bùi Bảo	Trân	Nữ	Kinh	23/01/2003	Tây Ninh				
22	245	0021411859	Đặng Thị Thu	Trang	Nữ	Kinh	05/6/2003	Long An				
23	246	0021410943	Lê Nhựt Thiên	Trang	Nữ	Kinh	26/10/2003	Đồng Tháp				
24	247	0022410978	Nguyễn Đặng Thùy	Trang	Nữ	Kinh	15/01/2004	Long An				
25	248	0022410781	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	09/9/2004	Đồng Tháp				
26	249	0020410528	Phạm Thị Thuỳ	Trang	Nữ	Kinh	21/4/2002	Đồng Tháp				
27	250	0021413445	Phạm Thị Ngọc	Trào	Nữ	Kinh	17/8/2003	Vĩnh Long				
28	251	0022412613	Nguyễn Công	Trí	Nam	Kinh	02/6/2004	TP HCM				
29	252	0022410687	Phạm Minh	Trí	Nam	Kinh	30/10/2004	Bến Tre				
30	253	0022411741	Lương Thị Diễm	Trinh	Nữ	Kinh	19/02/2004	Bến Tre				
31	254	0021413463	Nguyễn Lê Diễm	Trinh	Nữ	Kinh	15/4/2003	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 31

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 10

ĐỊA ĐIỂM: P.502 - Dãy H2
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	255	0021413465	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	Nữ	Kinh	03/7/2003	Đồng Tháp				
2	256	0022412073	Trần Thị	Trinh	Nữ	Kinh	24/6/2004	Long An				
3	257	0020410672	Võ Thị Thu	Trinh	Nữ	Kinh	12/4/2002	Đồng Tháp				
4	258	0022410658	Võ Thị Tuyết	Trinh	Nữ	Kinh	12/10/2004	Đồng Tháp				
5	259	0022411847	Nguyễn Thanh	Trọng	Nam	Kinh	17/5/2004	Cần Thơ				
6	260	0019410301	Phan Thị Ngọc	Trúc	Nữ	Kinh	07/6/2001	Đồng Tháp				
7	261	087202007363	Nguyễn Công	Trực	Nam	Kinh	03/7/2002	Đồng Tháp				
8	262	0021413481	Huỳnh Quốc	Trung	Nam	Kinh	17/7/2003	Bạc Liêu				
9	263	0022411054	Nguyễn Phạm Nhật	Trường	Nam	Kinh	14/7/2004	An Giang				
10	264	0021410984	Trần Văn Nhựt	Trường	Nam	Kinh	27/12/2003	Bến Tre				
11	265	0022410640	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	18/01/2004	Long An				
12	266	0022410029	Trịnh Hồ Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	17/02/2004	Bến Tre				
13	267	087092000766	Cao Văn	Tuấn	Nam	Kinh	22/12/1992	Đồng Tháp				
14	268	0021410997	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ	Kinh	20/3/2003	Đồng Tháp				
15	269	0021411000	Trần Thị Hồng	Tươi	Nữ	Kinh	22/01/2003	Đồng Tháp				
16	270	0020410502	Nguyễn Thị Cát	Tường	Nữ	Kinh	18/3/2002	Đồng Tháp				
17	271	0021411009	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	09/9/2003	Đồng Tháp				
18	272	0022410950	Lê Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	22/3/2004	An Giang				
19	273	0020410481	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	Kinh	22/02/2002	Bến Tre				
20	274	0020410681	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	Kinh	11/10/2002	Đồng Tháp				
21	275	0022410915	Bùi Thị Ánh	Tuyết	Nữ	Kinh	20/12/2004	Đồng Tháp				
22	276	0022410108	Đinh Nguyễn Minh	Tuyết	Nữ	Kinh	22/02/2004	Đồng Tháp				
23	277	0022411452	Nguyễn Đoàn Thảo	Uyên	Nữ	Kinh	12/02/2004	Đồng Tháp				
24	278	0022411257	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	Nữ	Kinh	11/7/2004	Đồng Tháp				
25	279	0022412675	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	Nữ	Kinh	15/11/2004	Tiền Giang				
26	280	0022410973	Nguyễn Lâm Thúy	Vân	Nữ	Khmer	30/10/2004	Long An				
27	281	0019310058	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	Kinh	04/5/2001	Đồng Tháp				
28	282	0022410491	Trần Thị Kiều	Vân	Nữ	Kinh	26/6/2004	Đồng Tháp				
29	283	0020410435	Nguyễn Thị	Vàng	Nữ	Kinh	15/11/2001	Đồng Tháp				
30	284	087188013677	Đinh Thị Tường	Vi	Nữ	Kinh	21/12/1988	Tiền Giang				
31	285	0022410527	Dương Tường Thảo	Vi	Nữ	Kinh	06/7/2004	Đồng Tháp				

Tổng số thí sinh: 31

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 84, NGÀY 16/4/2023

PHÒNG THI SỐ: 11

ĐỊA ĐIỂM: P.401 - Dãy H2
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
										Số	Chữ	
1	286	0022411106	Trần Lê Tường	Vi	Nữ	Kinh	05/01/2004	Long An				
2	287	0019410684	Trần Thụy	Vi	Nữ	Kinh	17/3/2001	Kiên Giang				
3	288	0022411494	Nguyễn Phú	Vinh	Nam	Kinh	28/3/1997	An Giang				
4	289	0022411013	Đặng Hồ Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	24/9/2004	Đồng Tháp				
5	290	0022412505	Hồ Thụy Tường	Vy	Nữ	Kinh	25/9/2004	Tiền Giang				
6	291	0022411318	Huỳnh Ngọc Trúc	Vy	Nữ	Kinh	30/7/2000	Bình Thuận				
7	292	0022411531	La Thảo	Vy	Nữ	Kinh	27/8/2004	Bạc Liêu				
8	293	0022411328	Mai Thị Hạ	Vy	Nữ	Kinh	26/4/2003	Bến Tre				
9	294	0022412661	Nguyễn Lê Thảo	Vy	Nữ	Kinh	11/9/2004	Kiên Giang				
10	295	0022411183	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	Kinh	29/3/2004	Cà Mau				
11	296	0019410818	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	Kinh	27/9/2001	Đồng Tháp				
12	297	0022410086	Phạm Thị Trúc	Vy	Nữ	Kinh	24/6/2004	Đồng Tháp				
13	298	0019410341	Phan Thảo	Vy	Nữ	Kinh	01/01/2001	An Giang				
14	299	0020410674	Trần Khánh	Vy	Nữ	Kinh	19/9/2002	TP HCM				
15	300	0022412027	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	16/02/2004	Đồng Tháp				
16	301	0022410921	Nông Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	01/01/2004	Đồng Tháp				
17	302	0022410110	Trương Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	21/8/2004	Đồng Tháp				
18	303	0019410047	Võ Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	09/02/2001	Đồng Tháp				
19	304	0022412591	Võ Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	11/4/2004	Đồng Tháp				
20	305	0021413655	Hồ Thị Ngọc	Yến	Nữ	Kinh	30/7/2003	Tiền Giang				
21	306	0022411712	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	Kinh	03/8/1999	Cà Mau				
22	307	0020410465	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	Kinh	29/3/2002	Đồng Tháp				
23	308	0019410826	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	Kinh	20/10/2001	Thanh Hóa	***Bảo lưu Lý thuyết***, Thi lại Thực hành			
24	309	0022411244	Phan Thị Mộng	Huỳnh	Nữ	Kinh	01/4/2004	Đồng Tháp	***Bảo lưu Lý thuyết***, Thi lại Thực hành			
25	310	0022410331	Trần Ngọc	Lam	Nam	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	***Bảo lưu Lý thuyết***, Thi lại Thực hành			
26	311	0021413249	Đặng Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	13/9/2003	Bạc Liêu	***Bảo lưu Lý thuyết***, Thi lại Thực hành			
27	312	0022411240	Đỗ Thị Ái	Vân	Nữ	Kinh	05/02/2004	Đồng Tháp	***Bảo lưu Lý thuyết***, Thi lại Thực hành			
28	313	0021412215	Đặng Thị Ngọc	Dung	Nữ	Kinh	30/8/2003	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
29	314	092090005532	Nguyễn	Ngọc	Nam	Kinh	01/01/1990	Cần Thơ	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
30	315	0019410421	Võ Tâm	Như	Nữ	Kinh	20/10/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
31	316	0020410541	Trần Na	Sin	Nam	Kinh	20/6/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
32	317	0022410258	Phạm Hoàng	Thái	Nam	Kinh	18/01/2004	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
33	318	0018412188	Phan Thị Ngọc	Thơ	Nữ	Kinh	07/5/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
34	319	0017410860	Nguyễn Thị Kim	Tiên	Nữ	Kinh	29/9/1997	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
35	320	0022410008	Đặng Công	Tiến	Nam	Kinh	29/12/2004	Long An	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			
36	321	0019310059	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	04/3/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, ***Bảo lưu Thực hành***			

Tổng số thí sinh: 36

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 74, ngày 15/04/2023

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe	Viết	Đọc	Môn Nói	
									6h45'	8h00'	9h15'	Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0019410422	Đặng Thị Trâm	Anh	Nữ	Kinh	23/6/2001	Kiên Giang	P.506-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
2	000002	0021411124	Ngô Kiều	Anh	Nữ	Kinh	13/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			12h30'	
3	000003	0021411133	Trần Kim	Anh	Nữ	Kinh	26/02/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			12h40'	
4	000004	0021411147	Võ Quốc	Bảo	Nam	Kinh	19/3/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			12h40'	
5	000005	0022410177	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	Kinh	25/7/2004	Đồng Tháp	P.506-C1			12h50'	
6	000006	0021411161	Huỳnh Thị Cẩm	Châu	Nữ	Kinh	29/11/2002	Đồng Tháp	P.506-C1			12h50'	
7	000007	0021410066	Lê Bảo Minh	Châu	Nữ	Kinh	31/12/2003	Bến Tre	P.506-C1			13h00'	
8	000008	0020410836	Nguyễn Quốc	Chương	Nam	Kinh	18/02/2002	Đồng Tháp	P.506-C1			13h00'	
9	000009	0021410120	Huỳnh Văn	Đức	Nam	Kinh	18/6/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			13h10'	
10	000010	0016410101	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	19/10/1997	Đồng Tháp	P.506-C1			13h10'	
11	000011	087077016401	Nguyễn Đức	Duy	Nam	Kinh	29/8/1977	Đồng Tháp	P.506-C1			13h20'	
12	000012	0019410103	Dương Thị Kiều	Duyên	Nữ	Kinh	08/6/2001	Cà Mau	P.506-C1			13h20'	
13	000013	087302007403	Nguyễn Kỳ	Duyên	Nữ	Kinh	13/5/2002	Đồng Tháp	P.506-C1			13h30'	
14	000014	087190001392	Cao Thị Thu	Hà	Nữ	Kinh	20/6/1990	Đồng Tháp	P.506-C1			13h30'	
15	000015	0021412342	Trần Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	04/4/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			13h40'	
16	000016	0021412372	Nguyễn Khắc	Hậu	Nam	Kinh	16/12/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			13h40'	
17	000017	0018410346	Huỳnh Thị Kim	Hoa	Nữ	Kinh	11/12/2000	An Giang	P.506-C1			13h50'	
18	000018	0021410245	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	Nữ	Kinh	19/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1			13h50'	
19	000019	0019410018	Phạm Kim	Hoàng	Nam	Kinh	07/12/2001	Tiền Giang	P.506-C1			14h00'	
20	000020	0021411338	Nguyễn Phan Mỹ	Huyền	Nữ	Kinh	20/8/2003	Vĩnh Long	P.506-C1			14h00'	
21	000021	0021410377	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	Kinh	20/02/2002	Đồng Tháp	P.506-C1			14h10'	
22	000022	0021413679	Trần Thị Nhất	Linh	Nữ	Kinh	29/7/1986	Đồng Tháp	P.506-C1			14h10'	
23	000023	0021412607	Hồ Tấn	Lộc	Nam	Kinh	31/12/2003	Bến Tre	P.506-C1			14h20'	
24	000024	0021412661	Đoàn Duy	Mẫn	Nam	Kinh	28/02/2003	Tiền Giang	P.506-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 74, ngày 15/04/2023

PHÒNG THI SỐ: 02

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe	Viết	Đọc	Môn Nói	
									6h45'	8h00'	9h15'	Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0020410434	Lê Hoàng	Nam	Nam	Kinh	17/02/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000026	0021411486	Hà Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	02/6/2002	Tây Ninh	P.507-C1			12h30'	
3	000027	087302008848	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	21/03/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
4	000028	0021411506	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	Nữ	Kinh	04/6/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
5	000029	0022410744	Phạm Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	16/12/2003	Cà Mau	P.507-C1			12h50'	
6	000030	0021410496	Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	16/9/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'	
7	000031	0022411062	Trần Thị Cẩm	Ngọc	Nữ	Kinh	06/12/2004	Cần Thơ	P.507-C1			13h00'	
8	000032	0021412814	Phan Chí	Nguyên	Nam	Kinh	21/01/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h00'	
9	000033	0021412832	Đỗ Thành	Nhân	Nam	Kinh	18/9/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
10	000034	0021410568	Nguyễn Thị Xuân	Nhật	Nữ	Kinh	09/6/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
11	000035	0021411579	Lê Dương Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	29/11/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h20'	
12	000036	0021410603	Phạm Thị Kiều	Nhi	Nữ	Kinh	14/6/2003	Vĩnh Long	P.507-C1			13h20'	
13	000037	0021412896	Võ Thị Kim	Nhi	Nữ	Kinh	22/9/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
14	000038	0021411602	Danh Thị Thu	Nhiên	Nữ	Kinh	27/11/2003	Kiên Giang	P.507-C1			13h30'	
15	000039	0021410637	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	29/4/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
16	000040	0022410639	Phạm Lê Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/9/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
17	000041	0021412933	Tôn Thị Tố	Như	Nữ	Kinh	27/8/2003	Bến Tre	P.507-C1			13h50'	
18	000042	0021410649	Lương Thị Phi	Nhung	Nữ	Kinh	05/4/2003	Bến Tre	P.507-C1			13h50'	
19	000043	0021410652	Phạm Thị Kim	Nhung	Nữ	Kinh	25/8/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
20	000044	0022411155	Trần Thanh	Phong	Nam	Kinh	27/01/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
21	000045	0021411650	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	08/02/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
22	000046	0015411894	Lê Anh	Phương	Nam	Kinh	24/5/1996	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
23	000047	0022410760	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	Kinh	20/3/2004	Vĩnh Long	P.507-C1			14h20'	
24	000048	087201009274	Quan Nguyễn Chấn	Siêu	Nam	Kinh	11/9/2001	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'	
25	000049	0021411744	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	11/5/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h30'	
26	000050	0021410863	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	07/11/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h30'	
27	000051	0021411800	Tống Ngọc Anh	Thư	Nữ	Kinh	24/4/2003	Bến Tre	P.507-C1			14h40'	
28	000052	0022410847	Phạm Minh	Thuận	Nam	Kinh	30/4/2004	Cà Mau	P.507-C1			14h40'	
29	000053	087302012369	Phạm Mỹ	Thùy	Nữ	Kinh	23/4/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			14h50'	

Tổng số thí sinh: 29

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 74, ngày 15/04/2023

PHÒNG THI SỐ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe	Viết	Đọc	Môn Nói	
									6h45'	8h00'	9h15'	Giờ thi	Địa điểm
1	000054	087302002155	Trần Thị Minh	Thùy	Nữ	Kinh	21/8/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000055	0021413325	Nguyễn Dáng	Tiên	Nữ	Kinh	11/5/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h30'	
3	000056	0021413355	Nguyễn Trung	Tín	Nam	Kinh	03/5/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h40'	
4	000057	0021410922	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	Nữ	Kinh	21/01/2003	Kiên Giang	P.508-C1			12h40'	
5	000058	0021413380	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	23/4/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	
6	000059	0021410945	Lê Thị Minh	Trang	Nữ	Kinh	02/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			12h50'	
7	000060	0021410948	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	Kinh	03/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h00'	
8	000061	0021413447	Lê Minh	Trí	Nam	Kinh	13/10/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h00'	
9	000062	0021410978	Đỗ Anh	Trực	Nam	Kinh	28/7/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h10'	
10	000063	0021411897	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	Kinh	20/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h10'	
11	000064	0022412660	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	Kinh	31/01/2004	Cần Thơ	P.508-C1			13h20'	
12	000065	0021413492	Dương Ngọc	Tú	Nữ	Kinh	14/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h20'	
13	000066	0021413501	Nguyễn Trần Anh	Tú	Nam	Kinh	29/7/2003	Long An	P.508-C1			13h30'	
14	000067	0021413529	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	15/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			13h30'	
15	000068	0021411928	Lê Huỳnh Yến	Uyển	Nữ	Kinh	01/4/2003	Bến Tre	P.508-C1			13h40'	
16	000069	0022411250	Nguyễn Phạm Hữu	Vinh	Nam	Kinh	11/4/2004	Tiền Giang	P.508-C1			13h40'	
17	000070	0021411944	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	Kinh	20/3/2003	Vĩnh Long	P.508-C1			13h50'	
18	000071	0014412296	Trương Thành	Vinh	Nam	Kinh	09/02/1990	Bến Tre	P.508-C1			13h50'	
19	000072	0021411955	Huỳnh Thúy	Vy	Nữ	Kinh	15/3/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h00'	
20	000073	0022411070	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	Kinh	29/10/2004	Bến Tre	P.508-C1			14h00'	
21	000074	0014413674	Nguyễn Thị Tuyến	Vy	Nữ	Kinh	23/6/1996	Long An	P.508-C1			14h10'	
22	000075	0020410952	Bùi Thị Mai	Xuân	Nữ	Kinh	13/02/2002	Đồng Tháp	P.508-C1			14h10'	
23	000076	0021411064	Võ Thị Trúc	Xuân	Nữ	Kinh	16/10/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h20'	
24	000077	0021411073	Hồ Như	Ý	Nữ	Kinh	20/9/2000	Tiền Giang	P.508-C1			14h20'	
25	000078	0014413451	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	26/9/1996	Trà Vinh	P.508-C1			14h30'	
26	000079	0021411096	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	Kinh	11/02/2003	Vĩnh Long	P.508-C1			14h30'	
27	000080	0021411098	Trần Thị Kim	Yến	Nữ	Kinh	09/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1			14h40'	
28	000081	0021411375	Thái Minh	Khánh	Nam	Kinh	28/02/2003	Cà Mau	BL	508	BL	14h40'	
29	000082	0021411378	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	07/6/2003	Đồng Tháp	505	508	BL	14h50'	
30	000083	0021411446	Phan Thị Chúc	Ly	Nữ	Kinh	24/02/2002	Đồng Tháp	BL	508	508	BL	
31	000084	0021411638	Lê Văn Hữu	Phát	Nam	Kinh	28/12/2003	Vĩnh Long	BL	508	BL	15h00'	

Tổng số thí sinh: 31

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 74, ngày 15/04/2023

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG PHÁP

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe	Viết	Đọc	Môn Nói	
									6h45'	8h00'	9h15'	Giờ thi	Địa điểm
1	000001	087183017785	Huỳnh Thị	Diễm	Nữ	Kinh	10/10/1983	Tiền Giang	P.408-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
2	000002	0021410122	Lê Thị Mỹ	Dung	Nữ	Kinh	08/7/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			12h30'	
3	000003	0021410129	Lâm Thị Thuý	Dương	Nữ	Kinh	01/02/2003	Cà Mau	P.408-C1			12h40'	
4	000004	0021410221	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	Nữ	Kinh	20/3/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			12h40'	
5	000005	0021410238	Thái Văn	Hậu	Nam	Kinh	18/9/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			12h50'	
6	000006	0021412404	Lê Nguyễn Bích	Hợp	Nữ	Kinh	26/11/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			12h50'	
7	000007	0021412444	Trần Lê	Huy	Nam	Kinh	12/02/2003	Hậu Giang	P.408-C1			13h00'	
8	000008	0021412466	Nguyễn Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	20/6/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h00'	
9	000009	0021412549	Nguyễn Hoàng	Kim	Nữ	Kinh	04/3/2003	Vĩnh Long	P.408-C1			13h10'	
10	000010	0021412642	Đặng Phương	Mai	Nữ	Kinh	08/10/2003	Kiên Giang	P.408-C1			13h10'	
11	000011	0021410486	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	05/11/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h20'	
12	000012	0021410492	Nguyễn Thu	Ngân	Nữ	Kinh	10/12/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h20'	
13	000013	0021412909	Lâm Thị Ngọc	Như	Nữ	Kinh	10/10/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h30'	
14	000014	0021410622	Lê Lâm Khánh	Như	Nữ	Kinh	08/10/2003	Vĩnh Long	P.408-C1			13h30'	
15	000015	0021410632	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	10/5/1995	Long An	P.408-C1			13h40'	
16	000016	0021412951	Thái Thị Phương	Nhung	Nữ	Kinh	24/6/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h40'	
17	000017	0021412991	Lê Ngọc	Phố	Nữ	Kinh	08/7/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h50'	
18	000018	0021412995	Lê Tỷ	Phú	Nam	Kinh	05/3/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h50'	
19	000019	341021765	Lê Ngọc	Phước	Nam	Kinh	30/01/1980	Đồng Tháp	P.408-C1			14h00'	
20	000020	0021413037	Nguyễn Kiều	Phương	Nữ	Kinh	05/12/2002	TP HCM	P.408-C1			14h00'	
21	000021	0021410725	Lê Nguyễn Hoàng	Quyên	Nữ	Kinh	02/7/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			14h10'	
22	000022	0021410742	Lê Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	22/02/2003	Cà Mau	P.408-C1			14h10'	
23	000023	0015410008	Võ Như	Tâm	Nữ	Kinh	08/02/1997	Bến Tre	P.408-C1			14h20'	
24	000024	0021411749	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	Kinh	08/8/2003	Tiền Giang	P.408-C1			14h20'	
25	000025	0018410295	Phan Hồng	Thọ	Nam	Kinh	11/4/2000	Đồng Tháp	P.408-C1			14h30'	
26	000026	0021413288	Trương Minh	Thư	Nữ	Kinh	30/5/2003	Long An	P.408-C1			14h30'	
27	000027	0021410901	Trần Nguyễn Vân	Thy	Nữ	Kinh	10/4/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			14h40'	
28	000028	087184019868	Phạm Trúc	Vân	Nữ	Kinh	01/7/1984	Đồng Tháp	P.408-C1			14h40'	
29	000029	0021413590	Lê Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	Kinh	20/6/2003	Bến Tre	P.408-C1			14h50'	
30	000030	0017410844	Lý Trọng	Nghĩa	Nam	Kinh	12/9/1999	Đồng Tháp	408	408	BL	BL	

Tổng số thí sinh: 30